

Số: /KH-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Quan trắc môi trường lĩnh vực chăn nuôi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Thực hiện Quyết định số 888/QĐ-BNN-CN ngày 28/02/2025 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Kế hoạch Quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường phục vụ quản lý ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, lĩnh vực chăn nuôi giai đoạn 2025 - 2030, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch quan trắc môi trường lĩnh vực chăn nuôi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, cụ thể như sau:

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

- Thực hiện quan trắc môi trường trong lĩnh vực chăn nuôi nhằm phục vụ công tác quản lý trong lĩnh vực chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.
- Chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường cho mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia và truyền tải kết quả quan trắc môi trường đến các cơ quan quản lý, người chăn nuôi và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

1.2. Yêu cầu

Thực hiện quan trắc môi trường tại các cơ sở chăn nuôi bao gồm cả khu vực trang trại chăn nuôi tập trung và khu vực chăn nuôi trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nội dung thực hiện

2.1. Quan trắc môi trường chăn nuôi định kỳ

Thực hiện quan trắc môi trường tại 49 cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh (bao gồm: Khu vực trang trại chăn nuôi tập trung và khu vực chăn nuôi); trong đó có 06 cơ sở chăn nuôi bò, 31 cơ sở chăn nuôi lợn và 12 cơ sở chăn nuôi gia cầm, cụ thể như sau:

2.1.1. Đối với bò

a) Số lượng điểm quan trắc

Thực hiện quan trắc tại 06 cơ sở; mỗi cơ sở quan trắc 01 mẫu nước thải, 01 mẫu đất tại khu vực trang trại chăn nuôi tập trung và 01 mẫu nước mặt, 01 mẫu đất tại khu vực chăn nuôi.

b) Thông số và tần suất quan trắc

- * Quan trắc tại khu vực trang trại chăn nuôi tập trung
 - Môi trường nước thải
 - + Thông số quan trắc (06 thông số) gồm: pH, TSS, COD, BOD₅, tổng N, tổng Coliforms.
 - + Tần suất: Tối thiểu 04 lần/năm.
 - Môi trường đất
 - + Thông số quan trắc (06 thông số) gồm: Hg, Cd, Pb, As, Cu, Zn.
 - + Tần suất: Tối thiểu 02 lần/năm.
- * Quan trắc tại khu vực chăn nuôi
 - Môi trường nước mặt
 - + Thông số quan trắc (17 thông số) gồm: pH, DO, TSS, COD, BOD₅, tổng N, tổng P, tổng Coliforms, Coliform chịu nhiệt, E.coli, NH₄⁺, Cl⁻, As, Cd, Pb, Cu, Hg.
 - + Tần suất: Tối thiểu 06 lần/năm.
 - Môi trường đất
 - + Thông số quan trắc (06 thông số) gồm: Hg, Cd, Pb, As, Cu, Zn.
 - + Tần suất: Tối thiểu 02 lần/năm.

2.1.2. Đối với Lợn

a) Số lượng điểm quan trắc

Thực hiện quan trắc tại 31 cơ sở; mỗi cơ sở quan trắc 01 mẫu nước thải, 01 mẫu đất tại khu vực trang trại chăn nuôi tập trung và 01 mẫu nước mặt, 01 mẫu đất tại khu vực chăn nuôi.

b) Thông số và tần suất quan trắc

- * Quan trắc tại khu vực trang trại chăn nuôi tập trung
 - Môi trường nước thải
 - + Thông số quan trắc (06 thông số) gồm: pH, TSS, COD, BOD₅, tổng N, tổng Coliforms.
 - + Tần suất: Tối thiểu 04 lần/năm.
 - Môi trường đất
 - + Thông số quan trắc (06 thông số) gồm: Hg, Cd, Pb, As, Cu, Zn.
 - + Tần suất: Tối thiểu 02 lần/năm.
- * Quan trắc tại khu vực chăn nuôi
 - Môi trường nước mặt
 - + Thông số quan trắc (17 thông số) gồm: pH, DO, TSS, COD, BOD₅, tổng N, tổng P, tổng Coliforms, Coliform chịu nhiệt, E.coli, NH₄⁺, Cl⁻, As, Cd, Pb, Cu, Hg.

+ Tần suất: Tối thiểu 06 lần/năm.

- Môi trường đất

+ Thông số quan trắc (06 thông số) gồm: Hg, Cd, Pb, As, Cu, Zn.

+ Tần suất: Tối thiểu 02 lần/năm.

2.1.3. Đối với gia cầm

a) Số lượng điểm quan trắc

Thực hiện quan trắc tại 12 cơ sở; mỗi cơ sở quan trắc 01 mẫu đất tại khu vực trang trại chăn nuôi tập trung và 01 mẫu nước mặt, 01 mẫu đất tại khu vực chăn nuôi.

b) Thông số và tần suất quan trắc

* Quan trắc tại khu vực trang trại chăn nuôi tập trung

- Môi trường đất

+ Thông số quan trắc (06 thông số) gồm: Hg, Cd, Pb, As, Cu, Zn.

+ Tần suất: Tối thiểu 02 lần/năm.

* Quan trắc tại khu vực chăn nuôi

- Môi trường nước mặt

+ Thông số quan trắc (17 thông số) gồm: pH, DO, TSS, COD, BOD₅, tổng N, tổng P, tổng Coliforms, Coliform chịu nhiệt, E.coli, NH₄⁺, Cl⁻, As, Cd, Pb, Cu, Hg.

+ Tần suất: Tối thiểu 06 lần/năm.

- Môi trường đất

+ Thông số quan trắc (06 thông số) gồm: Hg, Cd, Pb, As, Cu, Zn.

+ Tần suất: Tối thiểu 02 lần/năm.

(Chi tiết số lượng mẫu tại Phụ lục kèm theo)

2.2. Quan trắc môi trường chăn nuôi đột xuất

- Trong các trường hợp: Môi trường có diễn biến bất thường; có phản ánh của cộng đồng về ô nhiễm; xảy ra sự cố môi trường từ trang trại chăn nuôi; khu vực chăn nuôi xảy ra dịch bệnh; môi trường vùng chăn nuôi có dấu hiệu ô nhiễm, tích tụ chất hữu cơ, mùi hôi;...

- Thông số, tần suất quan trắc: Dựa trên các thông số quan trắc và giám sát môi trường định kỳ tại các trang trại chăn nuôi tập trung, môi trường chất thải tại khu vực chăn nuôi và theo tình hình thực tế để lựa chọn, bổ sung các chỉ tiêu khác ngoài các chỉ tiêu quan trắc thường xuyên cho phù hợp.

2.3. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức quan trắc môi trường phục vụ quản lý lĩnh vực chăn nuôi

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người chăn nuôi về vai trò của quan trắc môi trường để cảnh báo sớm ô nhiễm

cũng như bảo vệ môi trường chăn nuôi; lồng ghép nội dung quan trắc môi trường với tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến khác trong xây dựng nông nghiệp, nông thôn.

- Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, thực thi các quy định về bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính trong chăn nuôi, các mô hình chăn nuôi về giống, thức ăn, hệ thống xử lý môi trường,... thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn Ngân sách nhà nước cấp (bao gồm nguồn sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp môi trường và các nguồn kinh phí hợp pháp khác).

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các xã, phường, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Kịp thời thông báo các diễn biến bất thường về quan trắc môi trường chăn nuôi cho UBND xã, phường liên quan để tổ chức khắc phục.

- Hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi thực hiện quan trắc môi trường chăn nuôi theo quy định.

4.2. Sở Tài chính

Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

4.3. UBND các xã, phường

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện quan trắc môi trường chăn nuôi tại các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn quản lý.

- Đôn đốc và giám sát chặt chẽ các cơ sở chăn nuôi thực hiện các biện pháp khắc phục đối với các cơ sở có các diễn biến bất thường về quan trắc môi trường. Báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

4.4. Cơ sở chăn nuôi thuộc điểm quan trắc

- Tham gia giám sát chất lượng môi trường nước, môi trường đất tại khu vực trang trại chăn nuôi tập trung và môi trường chất thải tại khu vực chăn nuôi.

- Thông báo các diễn biến bất thường về môi trường tại khu vực trang trại chăn nuôi tập trung và khu vực chăn nuôi cho cơ quan quản lý nhà nước về chăn nuôi tại địa phương.

- Ghi chép đầy đủ thông tin, số liệu thu thập, các biện pháp xử lý môi trường tại khu vực trang trại chăn nuôi tập trung và môi trường chất thải tại khu vực chăn nuôi vượt ngưỡng cho phép theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chăn nuôi và đơn vị thực hiện quan trắc.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý trong quan trắc môi trường chăn nuôi tại khu vực trang trại chăn nuôi tập trung và khu vực chăn nuôi.

Trên đây là Kế hoạch quan trắc môi trường lĩnh vực chăn nuôi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh; UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về UBND tỉnh qua Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- UBND các xã, phường;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Chức

Phụ lục
SỐ LƯỢNG MẪU QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CHĂN NUÔI
TẠI CÁC CƠ SỞ CHĂN NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

TT	Môi trường quan trắc	Số lượng mẫu/đợt			Tổng
		Cơ sở chăn nuôi Bò	Cơ sở chăn nuôi Lợn	Cơ sở chăn nuôi gia cầm (gà)	
1	Số lượng cơ sở	06	31	12	49
2	Môi trường tại khu vực trang trại chăn nuôi tập trung				
	Môi trường nước thải	06 mẫu/ 06 cơ sở	31 mẫu/ 31 cơ sở		37 mẫu
	Môi trường đất	06 mẫu/ 06 cơ sở	31 mẫu/ 31 cơ sở	12 mẫu/12 cơ sở	49 mẫu
3	Môi trường tại khu vực chăn nuôi				
	Môi trường nước mặt	06 mẫu/ 06 cơ sở	31 mẫu/ 31 cơ sở	12 mẫu/12 cơ sở	49 mẫu
	Môi trường đất	06 mẫu/ 06 cơ sở	31 mẫu/ 31 cơ sở	12 mẫu/12 cơ sở	49 mẫu